

TT	Lớp	Số số	Liệt	ĐTB XTN	Đậu tốt nghiệp		Rớt tốt nghiệp		Điểm cao nhất các môn thi																							
									Toán		Ngữ văn		Ngoại ngữ		Vật lí		Hóa học		Sinh học		Lịch sử		Địa lí		GDKTPL		Tin học		CNCN		CNNN	
					SL	%	SL	%	Max	SL	Max	SL	Max	SL	Max	SL	Max	SL	Max	SL	Max	SL	Max	SL	Max	SL	Max	SL	Max	SL		
1	12C01	43	0	8.04	43	100	0	0	10	1	9.25	1	8.25	1	10	2	9.5	1	8.75	1	8.25	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	12C02	42	0	6.92	42	100	0	0	8	2	7.75	2	7	1	9.75	1	9	1	7.35	1	8.25	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	12C03	43	0	7.78	43	100	0	0	9.5	1	8.25	1	8.5	1	9.5	1	9.5	1	0	0	8.5	1	0	0	0	0	7.1	1	0	0	0	0
4	12C04	37	0	6.67	37	100	0	0	8.5	1	7	4	6	1	8.5	1	7.75	1	0	0	7.75	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	12C05	32	0	6.62	32	100	0	0	8.5	1	8.5	1	6.5	1	9.25	1	7	1	0	0	9.5	1	0	0	0	0	6.75	1	5.5	1	0	0
6	12C06	32	0	6.91	32	100	0	0	7.25	2	8.25	1	6.75	1	0	0	8.75	1	8.5	1	7.75	1	0	0	0	0	0	0	0	0	8.25	1
7	12C07	45	0	7.62	45	100	0	0	7.25	1	8.5	6	7.75	1	0	0	0	0	0	0	10	1	10	4	10	1	0	0	0	0	0	0
8	12C08	44	0	6.75	44	100	0	0	5.25	1	8.5	3	5.25	1	0	0	0	0	0	0	8.5	1	9.75	1	9.25	2	0	0	0	0	0	0
9	12C09	45	0	6.58	45	100	0	0	6	1	8.5	1	5.75	1	0	0	0	0	0	0	9	2	10	1	9.5	1	0	0	0	0	0	0
10	12C10	34	1	6.57	33	97.06	1	2.94	8	1	7.5	1	8.25	1	8.5	1	0	0	0	0	8.75	2	10	2	8.5	1	0	0	0	0	0	0
11	12C11	34	0	6.54	33	97.06	1	2.94	6.35	1	8	2	5	1	9	1	0	0	0	0	9.25	1	9.75	1	8.5	1	0	0	0	0	0	0
12	12C12	39	0	6.87	39	100	0	0	6	2	8.75	1	6	1	0	0	0	0	4.6	1	10	1	9.5	1	10	1	0	0	0	0	0	0
	TỔNG	470	1	7.02	468	99.57	2	0.43	10	1	9.25	1	8.5	1	10	2	9.5	2	8.75	1	10	2	10	7	10	2	7.1	1	5.5	1	8.25	1

Ea Kar, ngày 16 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Người tổng hợp

Nguyễn Đức Khanh

Phạm Thị Dinh